

Đồ án:

**PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ
THỐNG QUẢN LÝ PHÒNG MẠCH TƯ**

LỜI MỞ ĐẦU

Sự xuất hiện của Tin học đã tạo một bước đột phá rất lớn trong sự phát triển của khoa học và công nghệ. Chính vì vậy, ngày nay, trong tất cả các ngành, các lĩnh vực ở mọi cấp độ và quy mô khác nhau vai trò ứng dụng của Tin học là vô cùng quan trọng và tất yếu.

Trong lĩnh vực Y tế, các phòng mạch tư ngày càng mở rộng về số lượng lẫn quy mô. Chính vì thế, công tác quản lý các thông tin liên quan đến bệnh nhân cũng như việc khám chữa bệnh các phòng mạch tư là rất cần thiết. Việc ứng dụng Tin học trong quá trình xử lý, giải quyết hiệu quả vấn đề trên là không thể thiếu. Đó chính là nguyên nhân xuất phát ý tưởng cần phải xây dựng một phần mềm quản lý phòng mạch tư để đáp ứng hiệu quả với nhu cầu thực tế được đặt ra như trên.

Chúng em xin chân thành cảm ơn thầy Nguyễn Gia Tuấn Anh đã giúp đỡ, hướng dẫn chúng em hoàn thành đề tài này.

MỤC LỤC

Lời mở đầu

1. Mục tiêu , phạm vi đề tài mục

1.1 Mục tiêu

1.2 Phạm vi

2. Khảo sát

3. Phân tích

3.1 Phát hiện thực thể

3.2 Mô tả chi tiết thực thể

3.3 Mô hình ERD

3.4 Chuyển từ mô hình ERD sang mô hình quan hệ

3.5 Mô hình DFD

3.6 Mô tả ô xử lý và giải thuật.

4. Thiết kế giao diện

4.1 Thiết kế menu

4.2 Thiết kế Form

4.3 Thiết kế Report

1. Mục tiêu , phạm vi đề tài:

1.1 Mục tiêu:

Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý phòng mạch tư

➤ Yêu cầu:

- Lập danh sách khám bệnh
- Lập phiếu khám bệnh
- Tra cứu bệnh nhân
- Lập hóa đơn thanh toán
- Lập báo cáo tháng
- Báo cáo doanh thu theo ngày
- Báo cáo sử dụng thuốc

➤ Khối lượng độ phức tạp của dữ liệu : dữ liệu dạng text, dạng hình dạng số.

1.2 Phạm vi :

Theo mô hình thác nước ta có phạm vi của đề tài :

- Khảo sát
- Phân tích
- Thiết kế cơ sở dữ liệu

- Thiết kế giao diện

2. Khảo sát :

- Phòng mạch tiếp nhận bệnh nhân đến khám hoặc mua thuốc. Bệnh nhân có thể đến khám bệnh và mua thuốc hoặc khám bệnh không mua thuốc hoặc mua thuốc nhưng không khám bệnh.
- Tiền khám 30.000đ

Các biểu mẫu liên quan :

2.1 Yêu cầu: Lập danh sách khám bệnh

BM1:

Danh sách khám bệnh

Ngày khám: ...

STT	Họ tên	Giới tính	Năm sinh	Địa chỉ	SDT

2.2 Yêu cầu: Lập phiếu khám bệnh

BM2:

Phiếu khám bệnh

Họ tên:

Ngày khám:

Triệu chứng :

Dự đoán loại bệnh:

STT	Thuốc	Đơn vị	Số lượng	Cách dùng

2.3 Yêu cầu : Lập danh sách bệnh nhân

BM3:

Danh sách bệnh nhân

STT	Họ Tên	Ngày khám	Triệu chứng	Chẩn đoán

2.4 Yêu cầu: Lập hóa đơn thanh toán

BM 4:

Hóa đơn thanh toán

Họ tên:

Ngày khám:

Tiền khám:

Tiền thuốc:

QĐ4: Tiền khám 30000đ, tiền thuốc chỉ khi nào bệnh nhân có dùng thuốc, mỗi loại thuốc có đơn giá riêng.

2.5 Yêu cầu: Lập báo cáo tháng

BM5.1: Lập báo cáo doanh thu theo ngày

Tháng:

STT	Ngày	Số bệnh nhân	Số hóa đơn thuốc	Doanh thu

BM 5.2

Báo cáo sử dụng thuốc

Tháng:

STT	Ngày	Mã thuốc	Tên thuốc	SL dùng	Đơn vị

3. Phân tích:

3.1 Phân tích phát hiện thực thể:

➤ Thực thể 1: **BENHNHAN**

Mỗi bệnh nhân đi khám phòng mạch sẽ lưu lại các thông tin của bệnh nhân tạo nên thực thể **BENHNHAN**.

Gồm các thuộc tính: *MaBN, HoTen, NgaySinh, Gioitinh, DiaChi, SDT*.

➤ Thực thể 2: **PHIEUKHAM**

Mỗi bệnh nhân đi khám bệnh, ứng với mỗi lần khám sẽ được lập một phiếu khám tương ứng với thực thể **PHIEUKHAM**.

Gồm các thuộc tính: *MaPK, NgayKham, SoThuTu, TrieuChung, ChuanDoan*.

➤ Thực thể 3: **TOATHUOC**

Thực thể **TOATHUOC** diễn tả chi tiết thuốc mà bệnh nhân được phòng mạch cung cấp khi khám bệnh hay bệnh nhân mua thuốc ở phòng mạch.

Gồm các thuộc tính: *MaToa, Bsketoa, Ngayketoa*.

➤ Thực thể 4 : **THUOC**

Phòng mạch có một danh sách các loại thuốc dùng cho việc khám chữa bệnh tạo nên thực thể **THUOC**.

Gồm các thuộc tính: *MaThuoc, TenThuoc, DonVi, DonGia, Ngaysx, hansudung*.

➤ Thực thể 6 : **HOADONTHUOC**

Bệnh nhân đi khám hoặc mua thuốc sẽ phải trả tiền cho phòng mạch tạo nên thực thể **HOADONTHUOC**.

Gồm các thuộc tính: *MaHD* , *Ngayban*, *TienThuoc* .

3.2 Mô tả chi tiết thực thể:

3.2.1 Thực thể BENHNNHAN:

Tên thực thể: BENHNNHAN					
Tên thuộc tính	Diễn giải	Kiểu DL	Loại DL	Miền giá trị	Số byte
<u>MaBN</u>	Mã bệnh nhân	C	B	5 kí tự	5 byte
HoTen	Họ tên bệnh nhân	C	B	40 kí tự	40 byte
NgaySinh	Ngày tháng năm sinh của bệnh nhân	N	B	3 kí tự	10 byte
GioiTinh	Giới tính của bệnh nhân	C	B	50 kí tự	3 byte
DiaChi	Địa chỉ của bệnh nhân	C	B	10 kí tự	50 byte
SDT	Số điện thoại của bệnh nhân	C	K		10 byte

	Tổng	118 byte
--	------	----------

3.2.2 Thực thể PHIEUKHAM:

Tên thực thể: PHIEUKHAM					
Tên thuộc tính	Diễn giải	Kiểu DL	Loại DL	Miền giá trị	Số byte
<u>MaPK</u>	Mã số phiếu khám bệnh	C	B	5 kí tự	5 byte
NgayKham	Ngày khám bệnh	N	B		10 byte
SoThuTu	Số thứ tự của phiếu khám bệnh	S	B	50 kí tự	2 byte
TrieuChung	Triệu chứng của bệnh nhân	C	B	20 kí tự	50 byte
ChuanDoan	Chuẩn đoán bệnh của bệnh nhân	C	B	5 kí tự	20 byte
TienKham	Tiền khám bệnh của bệnh nhân	C	B		5 byte

	Tổng	92 byte
--	------	---------

3.2.3 Thực thể TOATHUOC

Tên thực thể: TOATHUOC					
Tên thuộc tính	Diễn giải	Kiểu DL	Loại DL	Miền giá trị	Số byte
<u>MaToa</u>	Mã số của toa thuốc	C	B	5 kí tự	5 byte
Bsketoa	Tên bác sĩ kê toa	C	B	20 kí tự	20 byte
Ngayketoa	Ngày kê toa thuốc	N	B		10 byte
				Tổng	35 byte

3.2.4 Thực thể THUOC

Tên thực thể: THUOC					
Tên thuộc tính	Diễn giải	Kiểu DL	Loại DL	Miền giá trị	Số byte
<u>MaThuoc</u>	Mã số của thuốc	C	B	5 kí tự	5 byte
TenThuoc	Tên thuốc	C	B	10 kí tự	10 byte
DonGia	Đơn giá của thuốc	S	B	4 kí tự	5 byte
DonVi	Đơn vị thuốc (chai, viên, gói,...)	C	B		4 byte
Ngaysx	Ngày sản xuất thuốc	N	B		10 byte
Hansudung	Hạn sử dụng của thuốc	N	B		10 byte
				Tổng	44 byte

3.2.5 Thực thể HOADONTHUOC

Tên thực thể: HOADONTHUOC					
Tên thuộc tính	Diễn giải	Kiểu	Loại	Miền giá	Số byte

tính		DL	DL	trị	
<u>MaHD</u>	Mã số hóa đơn	C	B	5 kí tự	5 byte
Ngayban	Ngày bán thuốc	N	K		10 byte
TienThuoc	Tiền thuốc đã dùng	S	Đ		7 byte
				Tổng	22 byte

Chú thích:

▪ Kiểu dữ liệu: (**Kiểu DL**)

C : Chuỗi

S : Số

N : Ngày tháng

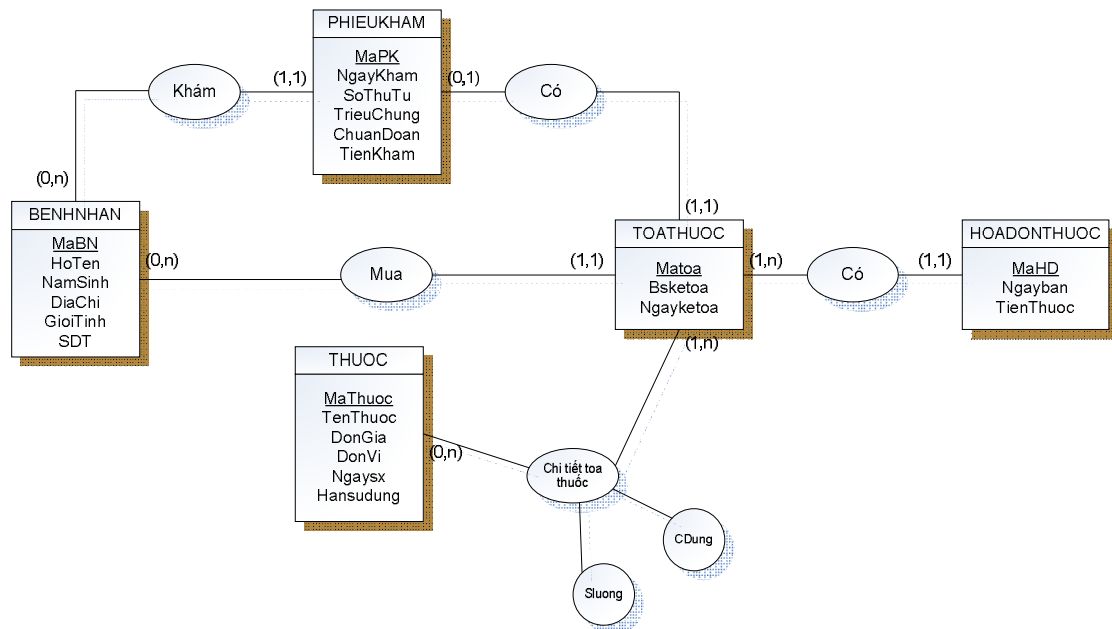
▪ Loại dữ liệu: (**Loại DL**)

B : Bắt buộc

K : Không bắt buộc

Đ : Có điều kiện.

3.3 Mô hình ERD:



3.4 Chuyển từ mô hình ERD sang mô hình quan hệ:

BENHNNHAN (MaBN, TenBN, NgaySinh, GioiTinh, DiaChi, SDT)

PHIEUKHAM (MaPK, NgayKham, TrieuChung, ChuanDoan, TienKham, MaBN)

TOATHUOC (Matoa, Bskettoa, Ngaykettoa, MaBN, MaPK)

HOADONTHUOC (MaHD, Ngayban, TienThuoc, Matoa)

THUOC (MaThuoc, TenThuoc, DonVi, DonGia, Ngaysx, Hansudung)

CHITIETOATHUOC (MaToa, MaThuoc, Sluong, Cdung)

Ghi chú:

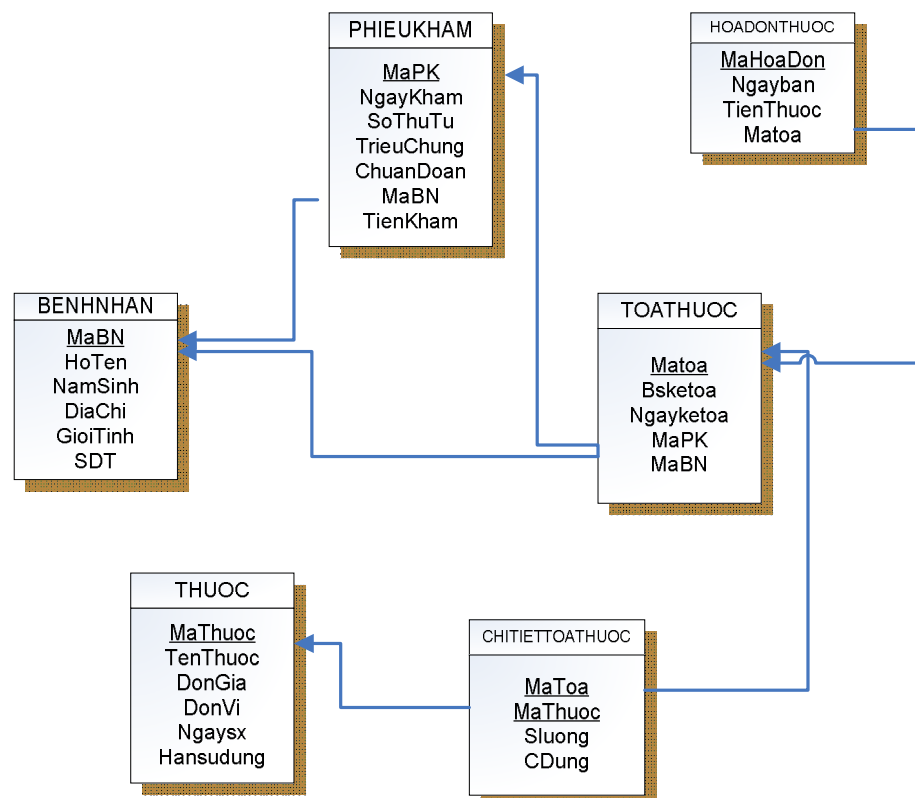
- Kí hiệu:

ABCD : Khóa chính.

ABCD : Khóa ngoại.

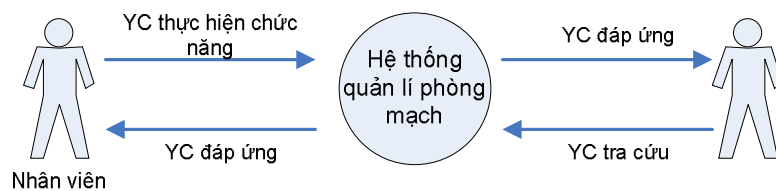
- Thuộc tính Sluong: số lượng mỗi loại thuốc có trong toa thuốc.
- Thuộc tính Cdung: cách dùng của mỗi loại thuốc ứng với toa thuốc hiện hành.
- Bảng CSDL **CHITIETHOADON**: Diễn tả chi tiết hóa đơn gồm số lượng và cách dùng ứng với mỗi loại thuốc có trong hóa đơn.

Bảng CSDL



3.5 Mô hình DFD:

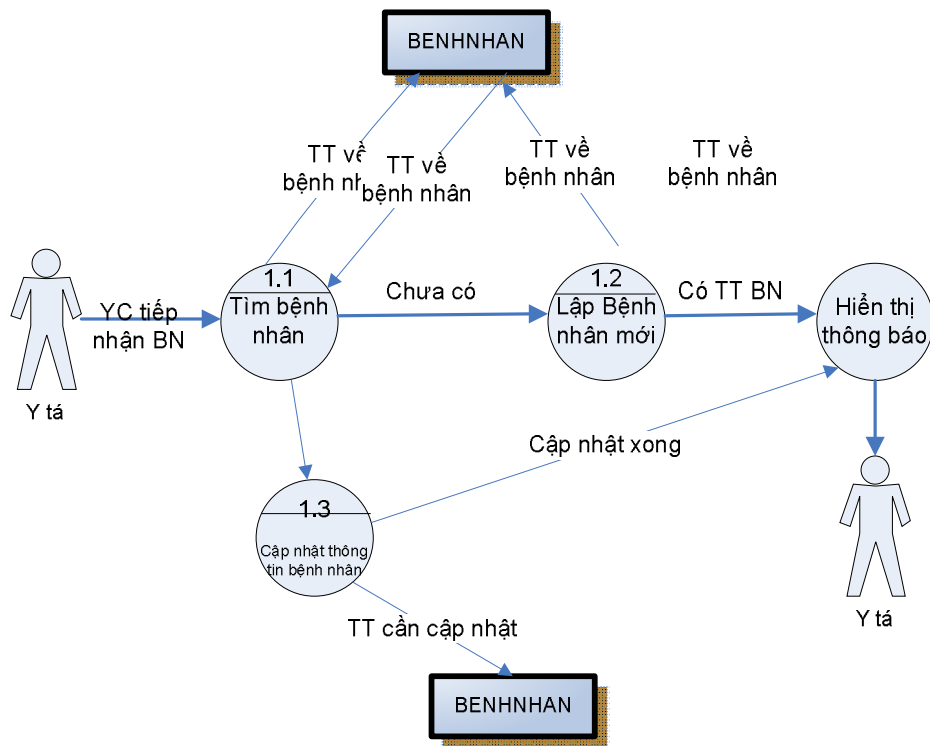
1. Mô hình DFD mức 0:



2. Mô hình DFD mức 1: Các chức năng của hệ thống phòng mạch

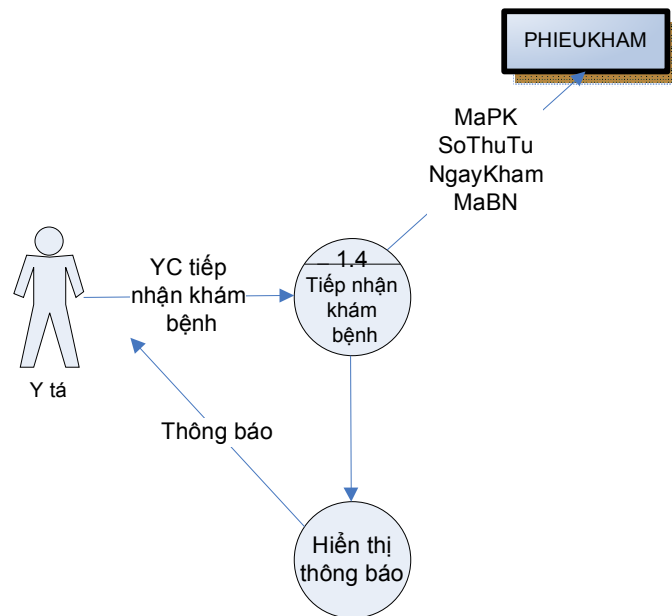
+ Modul 1: Quản lý bệnh nhân.

- Tiếp nhận bệnh nhân vào khám bệnh (hoặc mua thuốc)
- Tìm kiếm bệnh nhân.
- Cập nhật thông tin bệnh nhân.

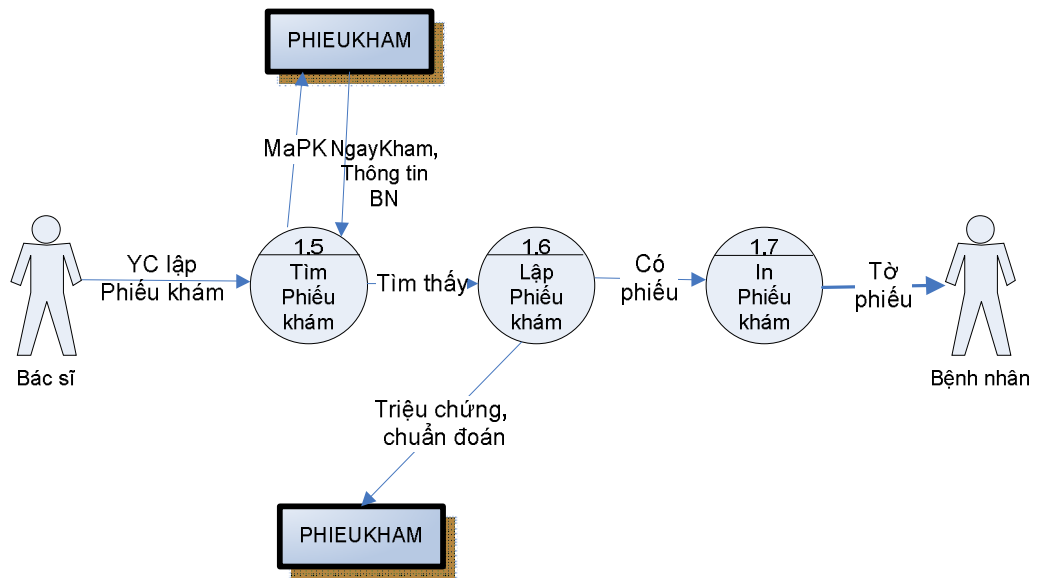


+ Modul 2: Quản lý khám bệnh:

- Tiếp nhận bệnh nhân vào khám bệnh

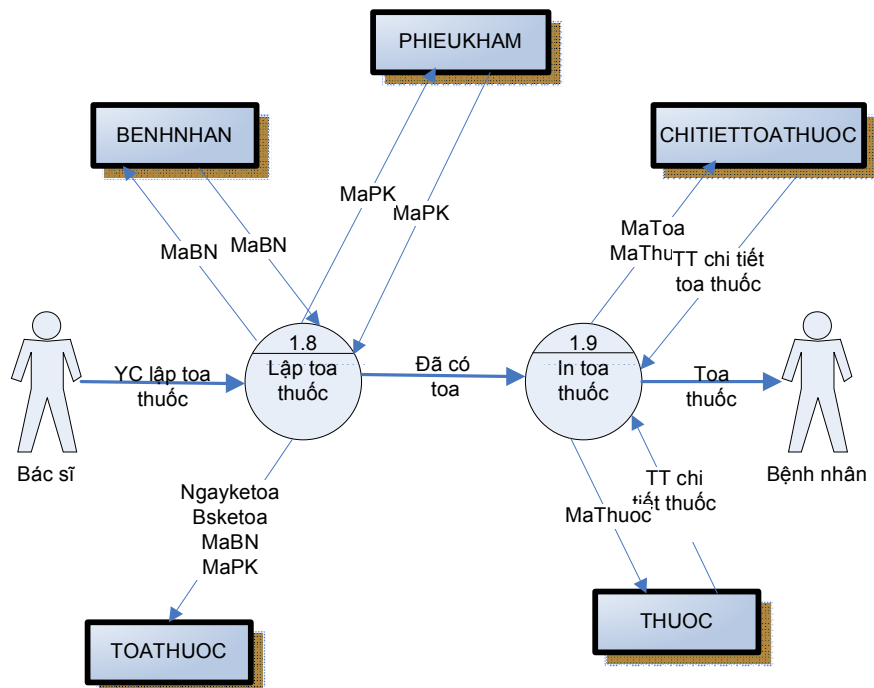


- Lập phiếu khám.
- Tìm phiếu khám.
- Cập nhật phiếu khám.

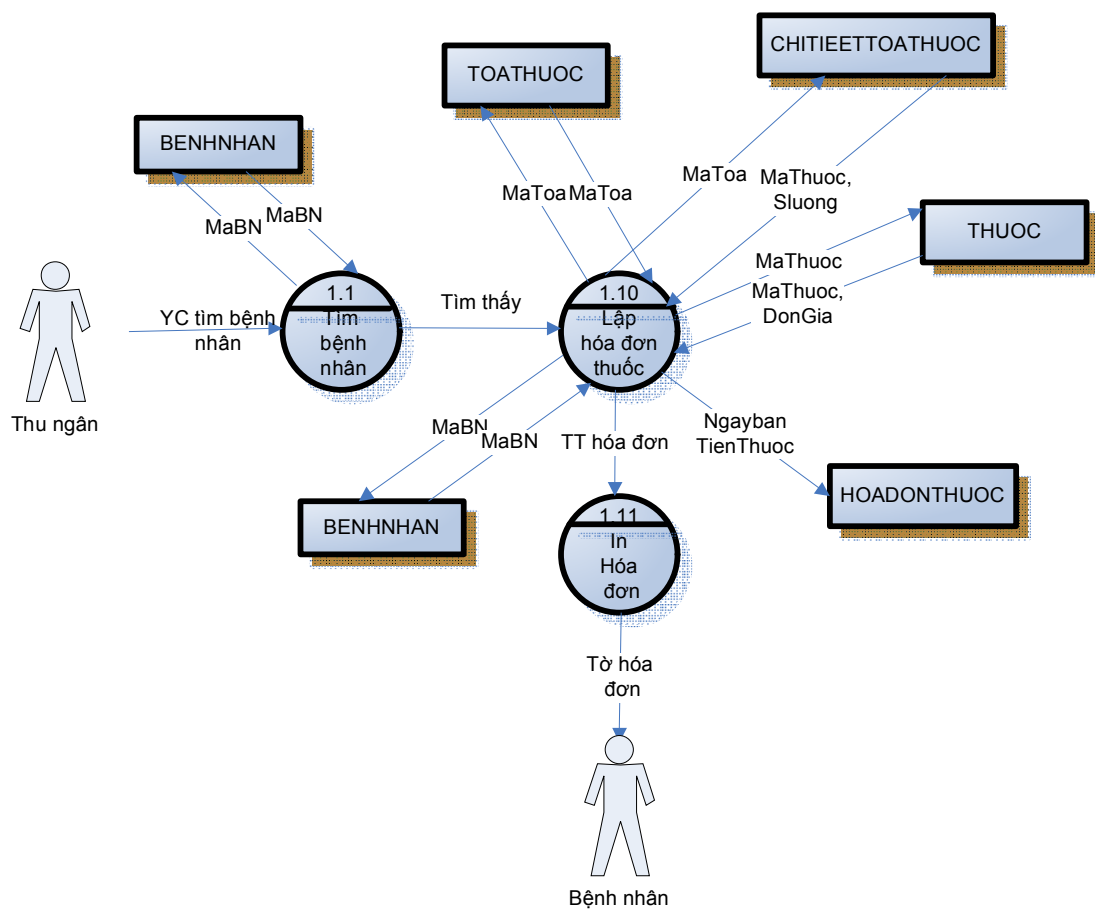


+ Modul 3: Quản lý tình hình khám chữa bệnh.

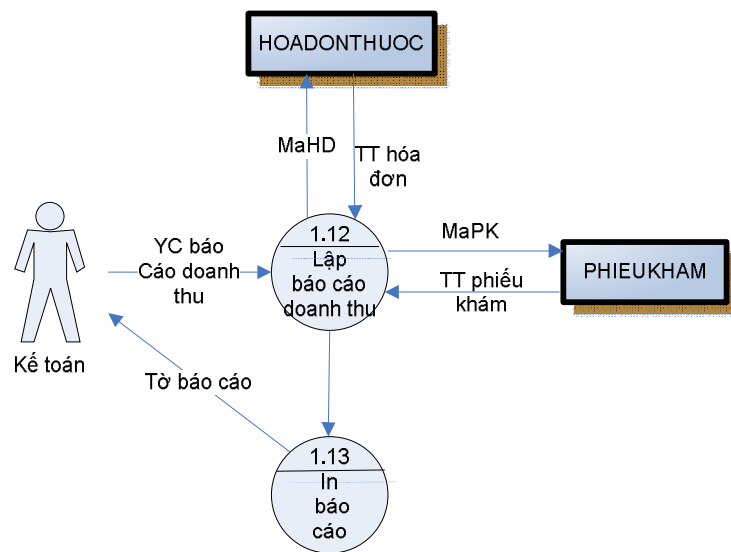
- Lập toa thuốc.
- In toa thuốc.



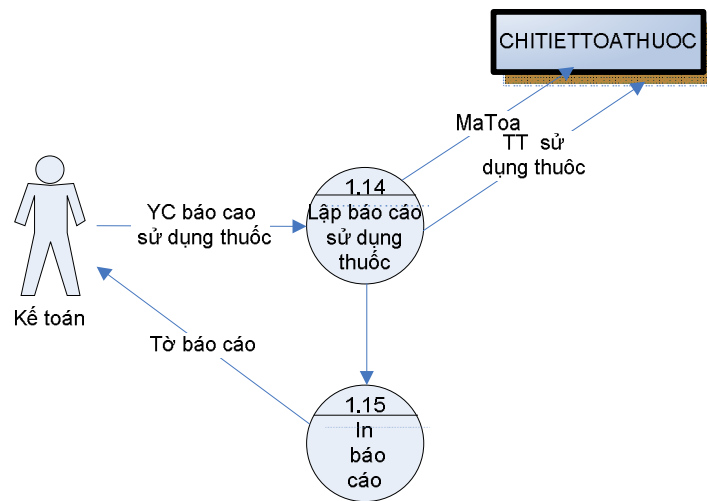
- Lập hóa đơn thuốc.
- In hóa đơn thuốc.



- Lập báo cáo doanh thu theo ngày



- Lập báo cáo sử dụng thuốc.



3.6 Mô tả ô xử lý và giải thuật:

1. Tìm kiếm bệnh nhân:

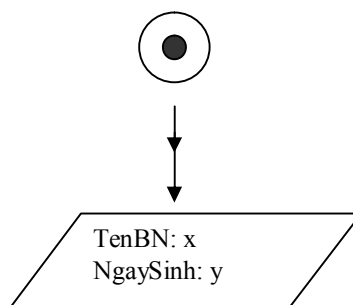
Ô xử lí :1.1
Form : Thông tin bệnh nhân

DL vào: HoTen, DiaChi

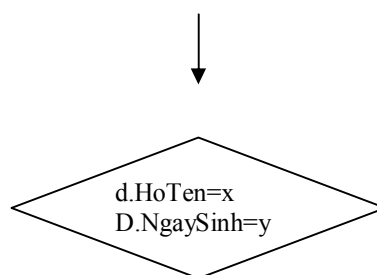
DL ra: Thông tin chi tiết về bệnh nhân, thông báo kết quả tìm kiếm.

Table liên quan: BENHNNHAN

Giải thuật cho ô xử lý



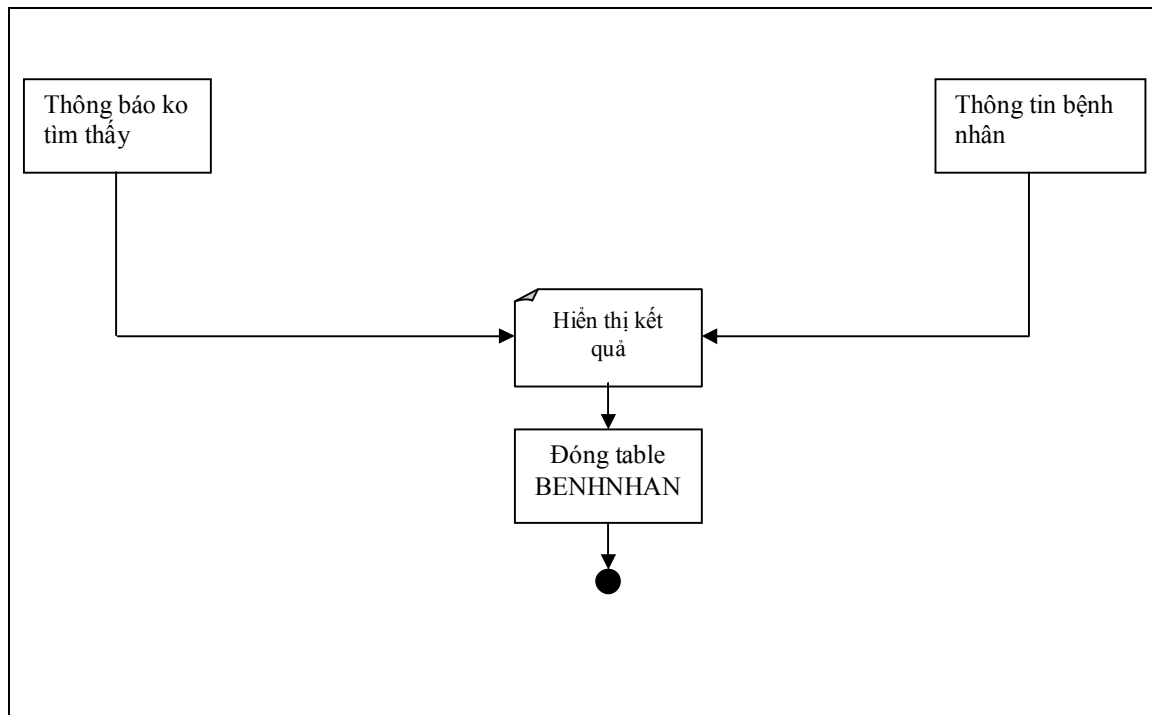
Mở table
BENHNNHAN



S

Đ



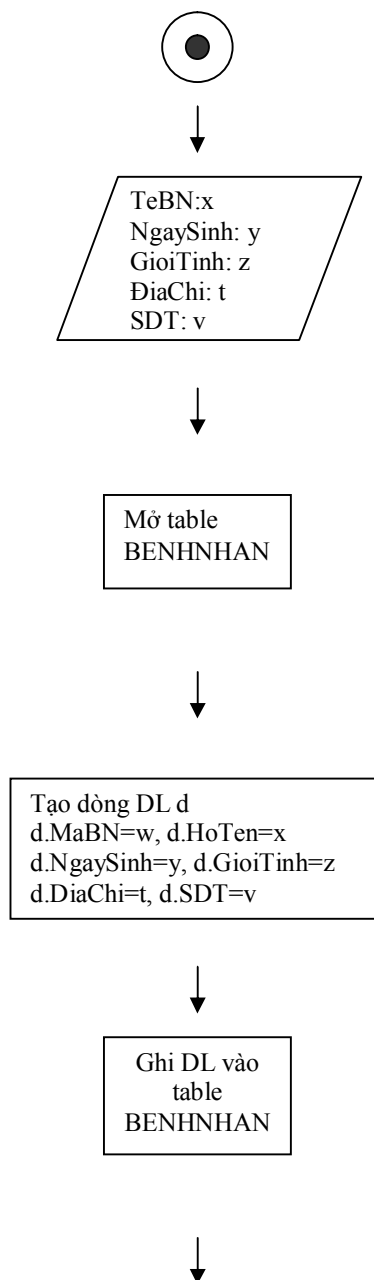


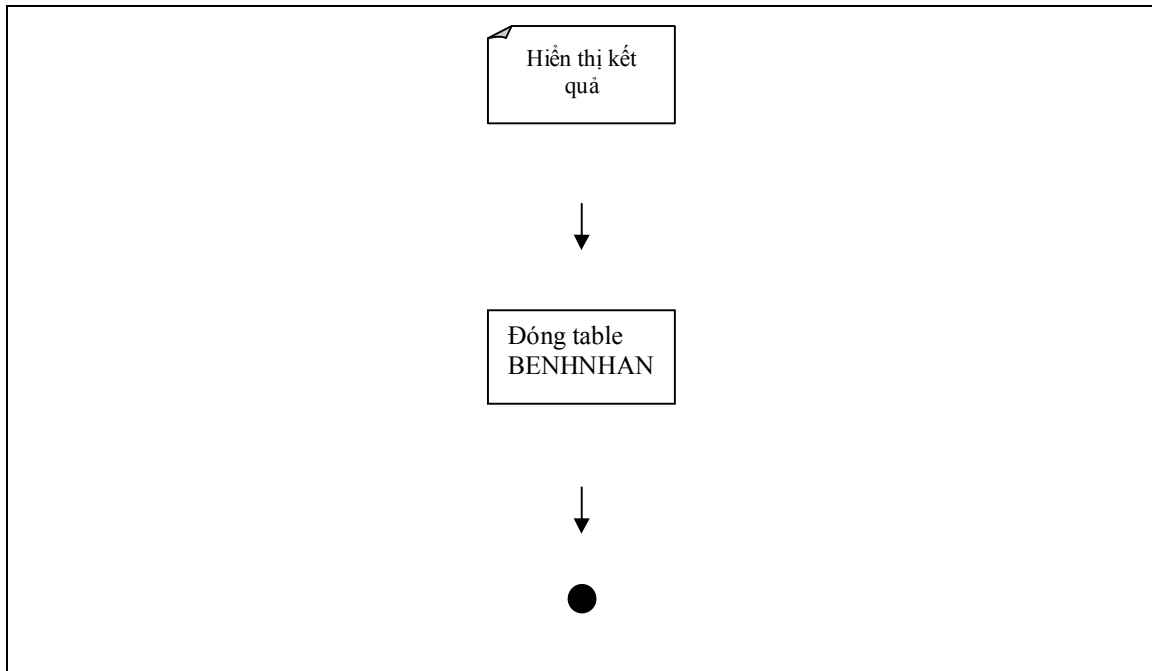
2. Thêm bệnh nhân mới:

Ô xử lí: 1.2
<p>Form: thông tin bệnh nhân</p> <p>DL vào: Họ tên, ngày sinh, giới tính, địa chỉ, số điện thoại</p> <p>DL ra: thông tin bệnh nhân mới.</p>

Table liên quan: BENHNNHAN

Giải thuật cho ô xử lí:



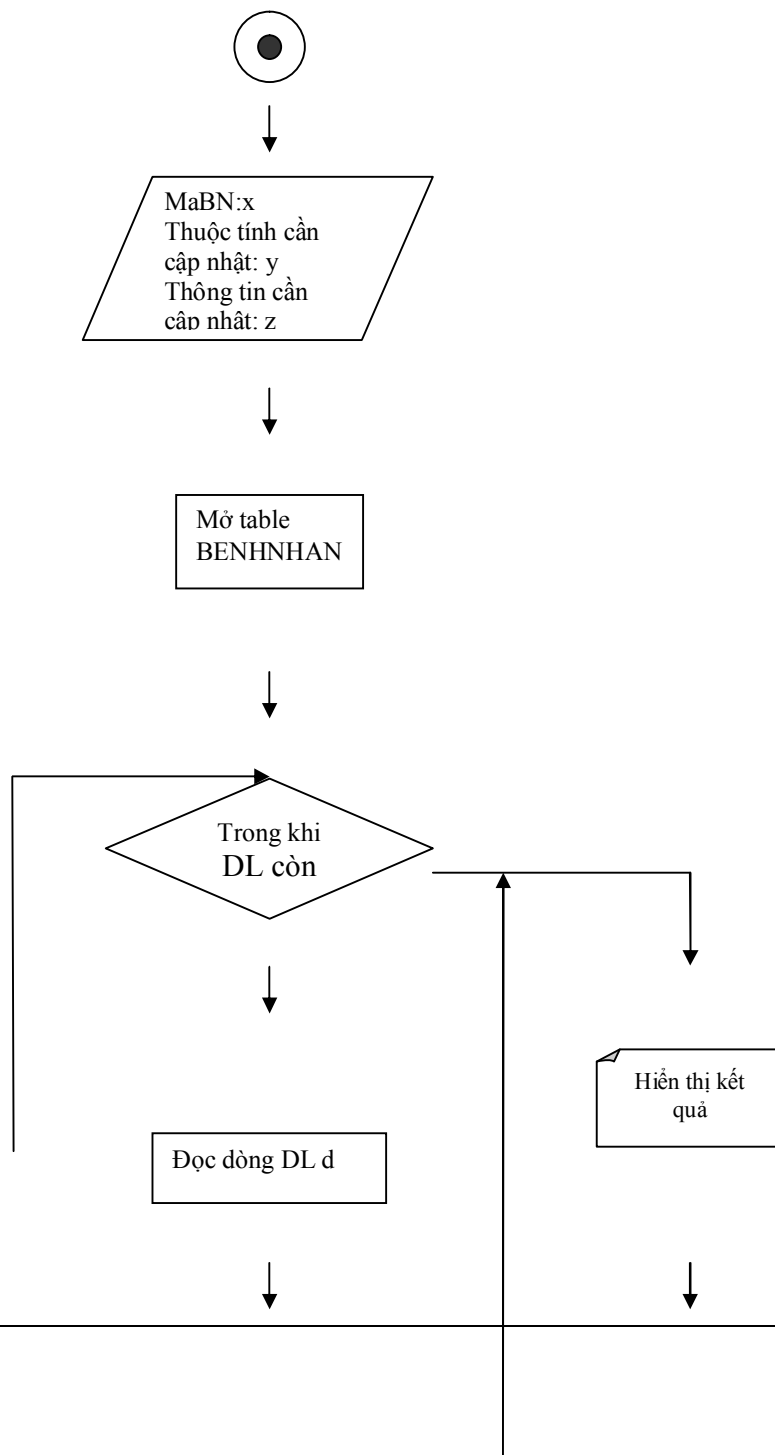


3. Cập nhật thông tin bệnh nhân

Ô xử lý: 1.3
<p>Form: thông tin bệnh nhân</p> <p>DL vào: thông tin cần cập nhật</p> <p>DL ra: thông tin cập nhật, thông báo kết quả</p>

Table liên quan: BENHNNHAN

Giải thuật cho ô xử lý



Ô xử lí: 1.4

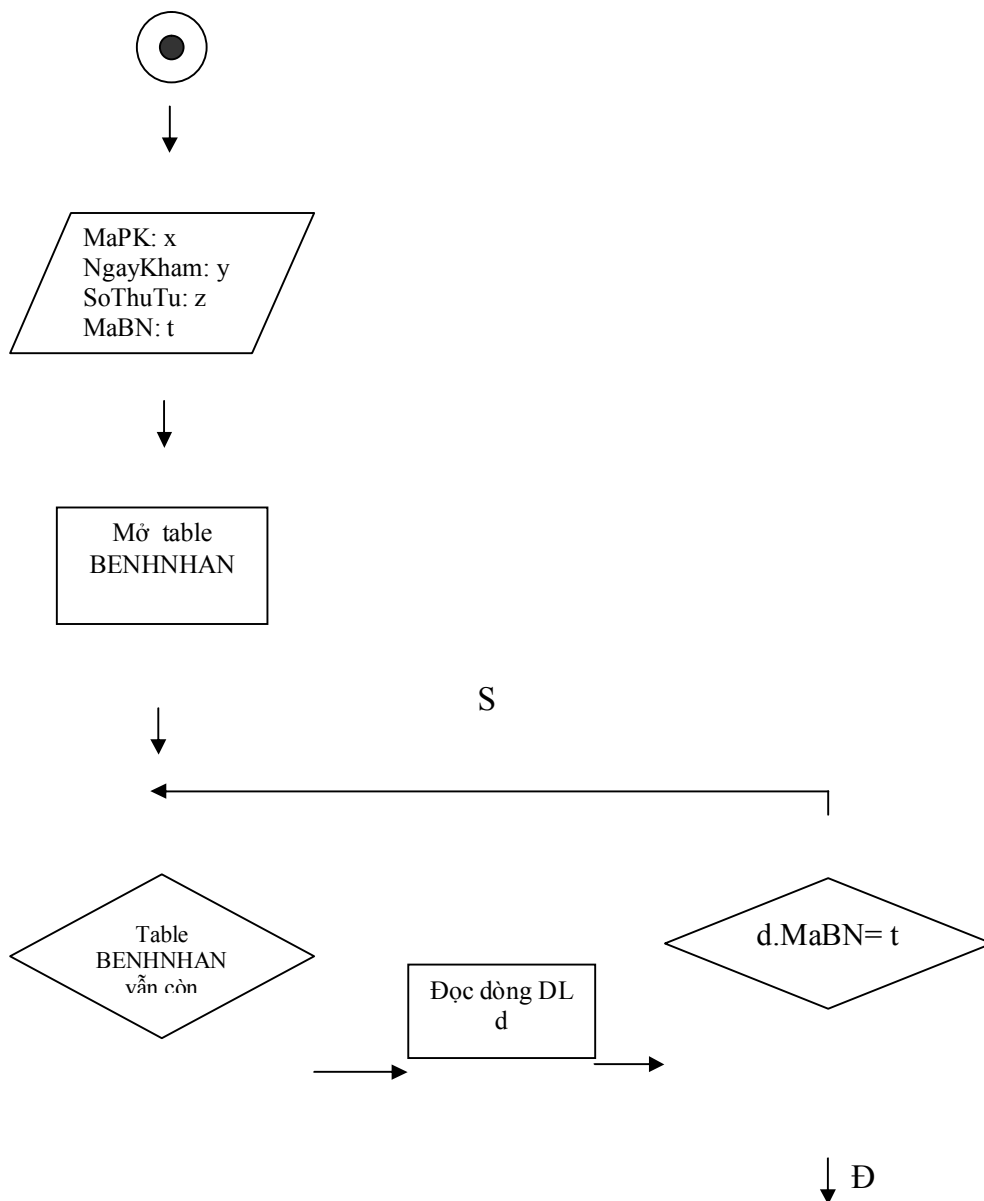
Form: Phiếu khám

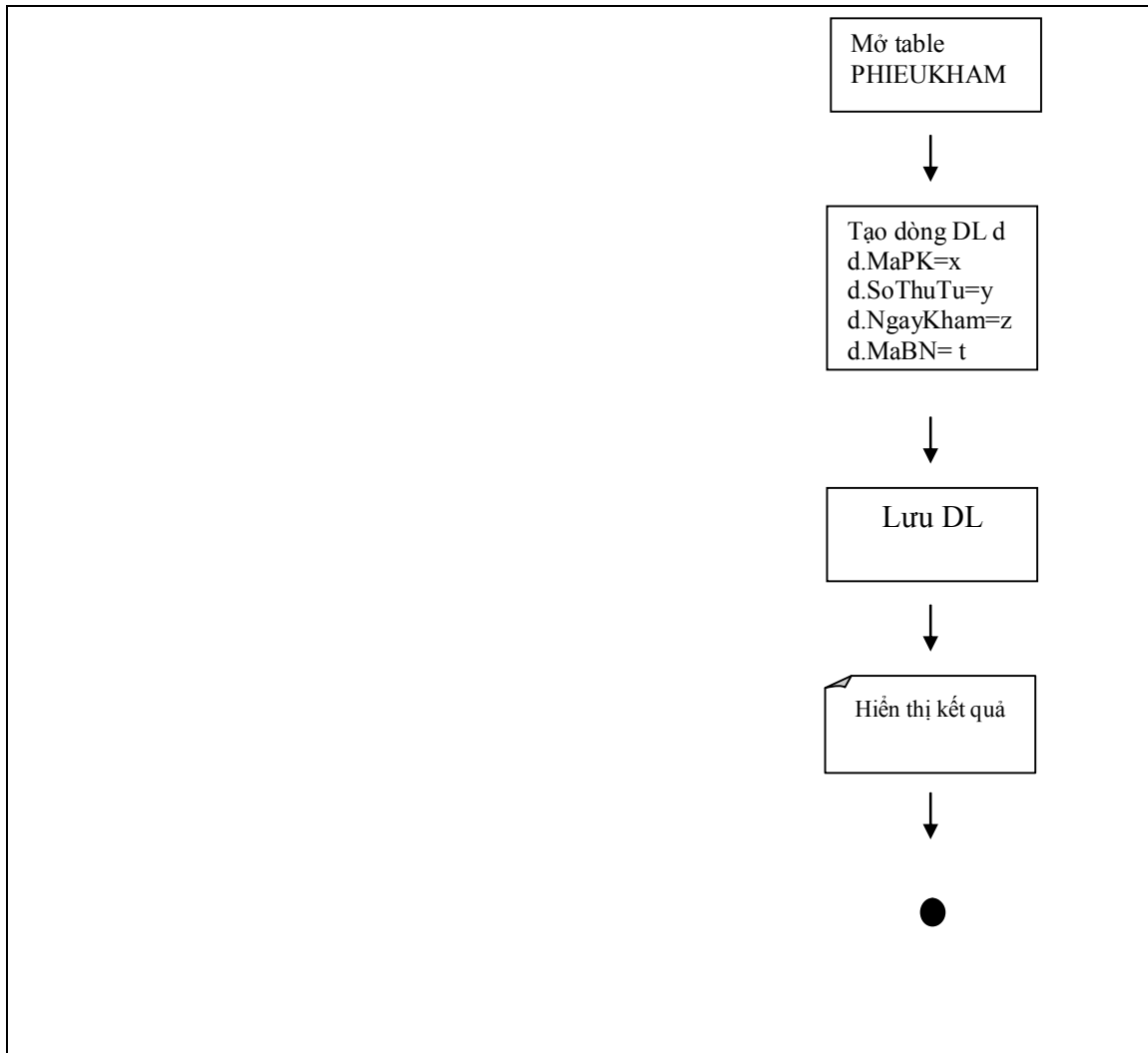
DL vào: MaPK, NgayKham, SoThuTu, MaBN

DL ra: thông tin tiếp nhận khám bệnh

Table liên quan: BENHNNHAN, PHIEUKHAM

Giải thuật cho ô xử lí





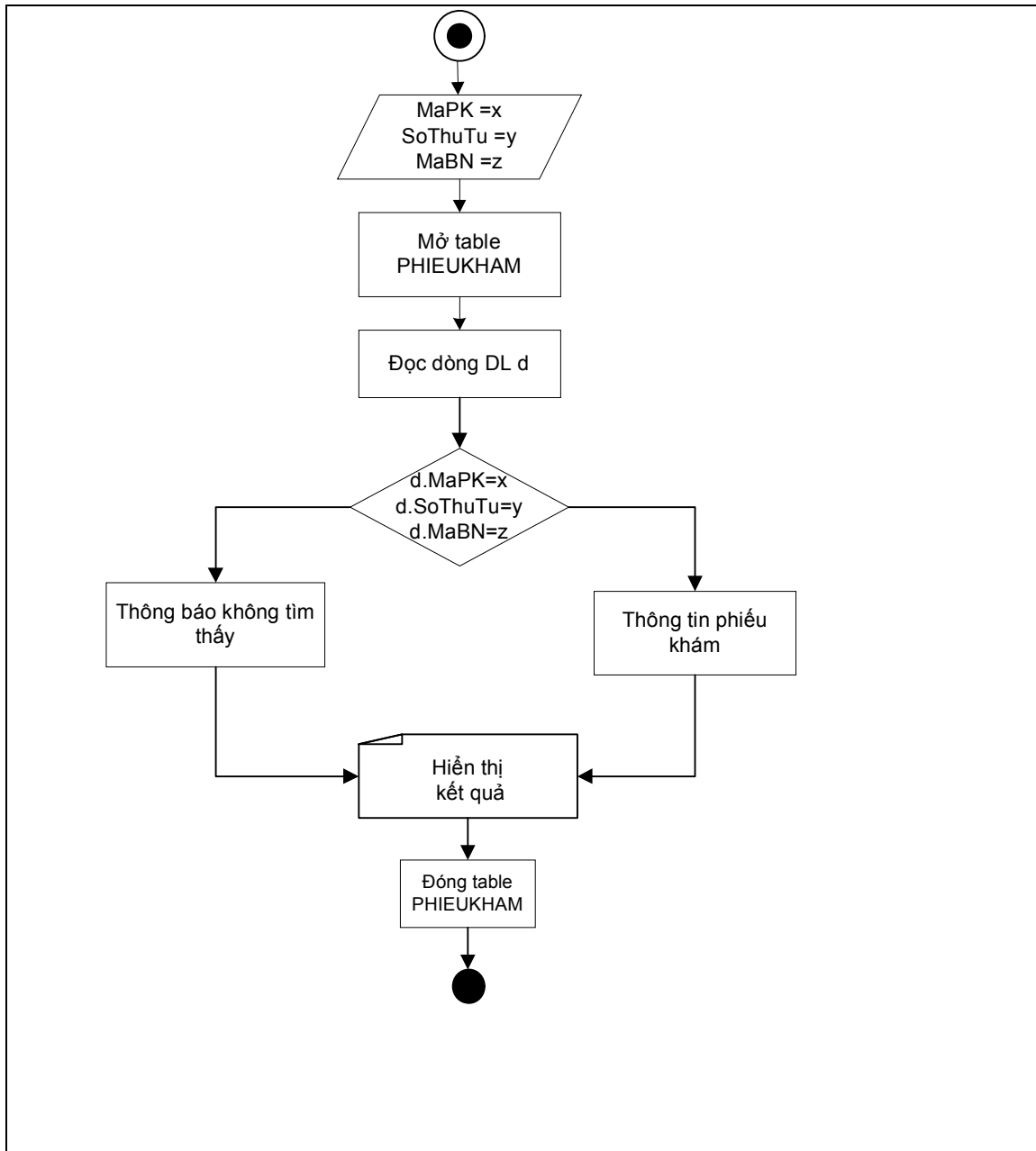
5. Tìm kiếm phiếu khám:

Ô xử lí: 1.5
Form: Phiếu khám

DL vào: MaPK, SoThuTu, MaBN

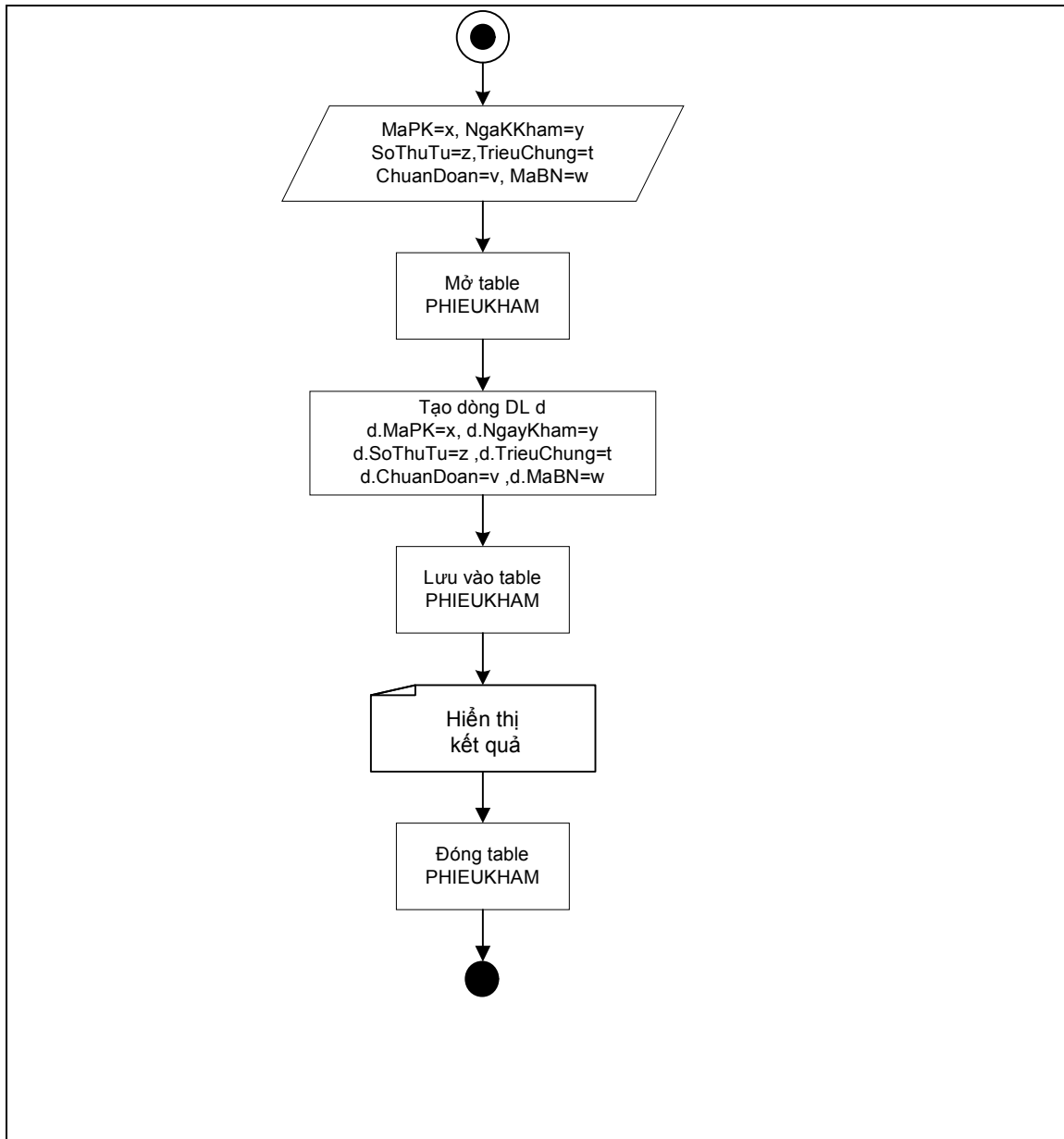
DL ra: Hiển thị thông tin phiếu khám

Table liên quan: PHIEUKHAM



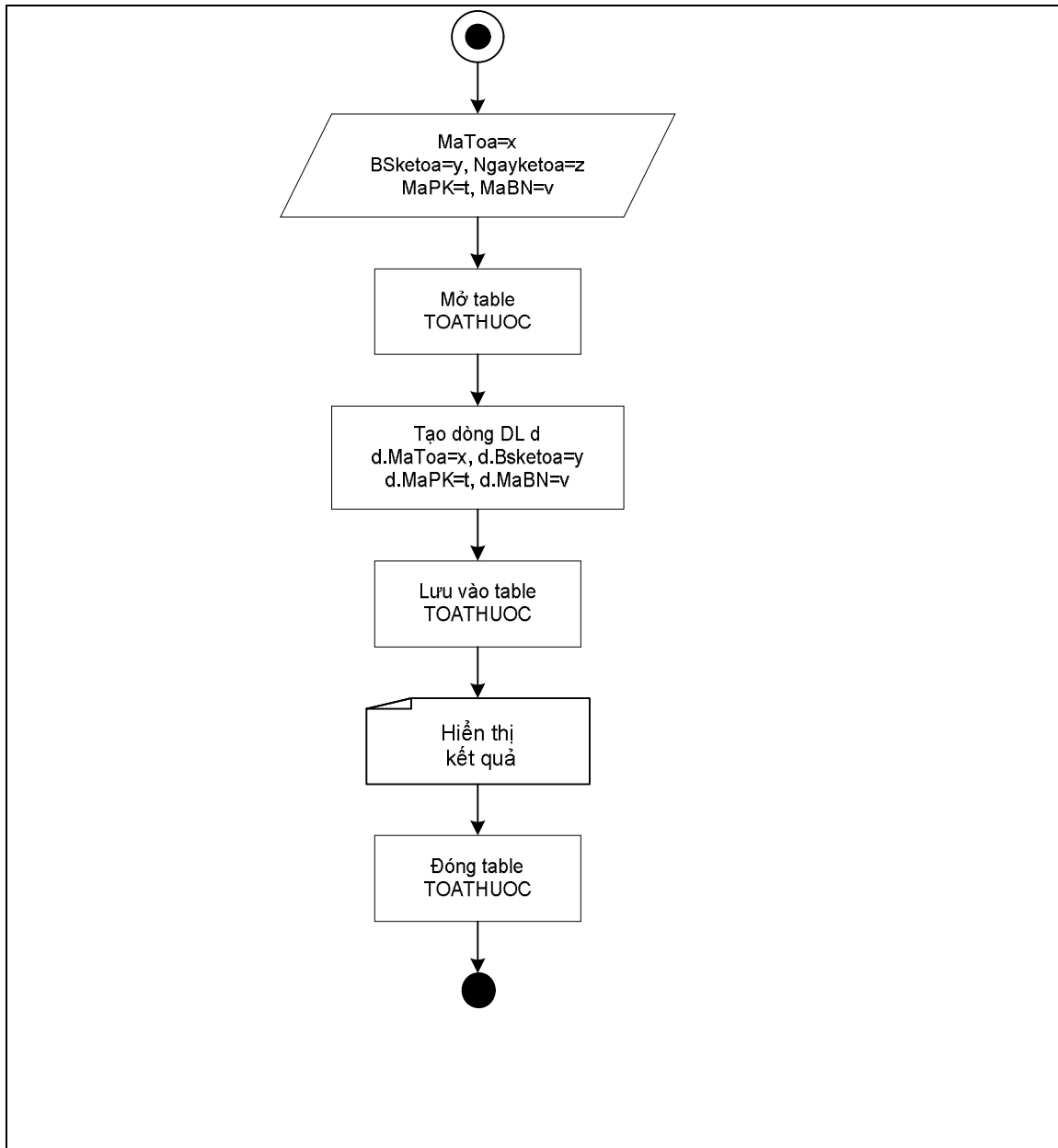
6. Lập phiếu khám bệnh:

Ô xử lý: 1.6
<p>Form: Phiếu khám</p> <p>DL vào: MaPK, NgayKham, SoThuTu, TrieuChung, ChuanDoan, TienKham</p> <p>DL ra: Phiếu khám gồm các thông tin trên</p> <p>Table liên quan: PHIEUKHAM</p>
Giải thuật cho ô xử lý:



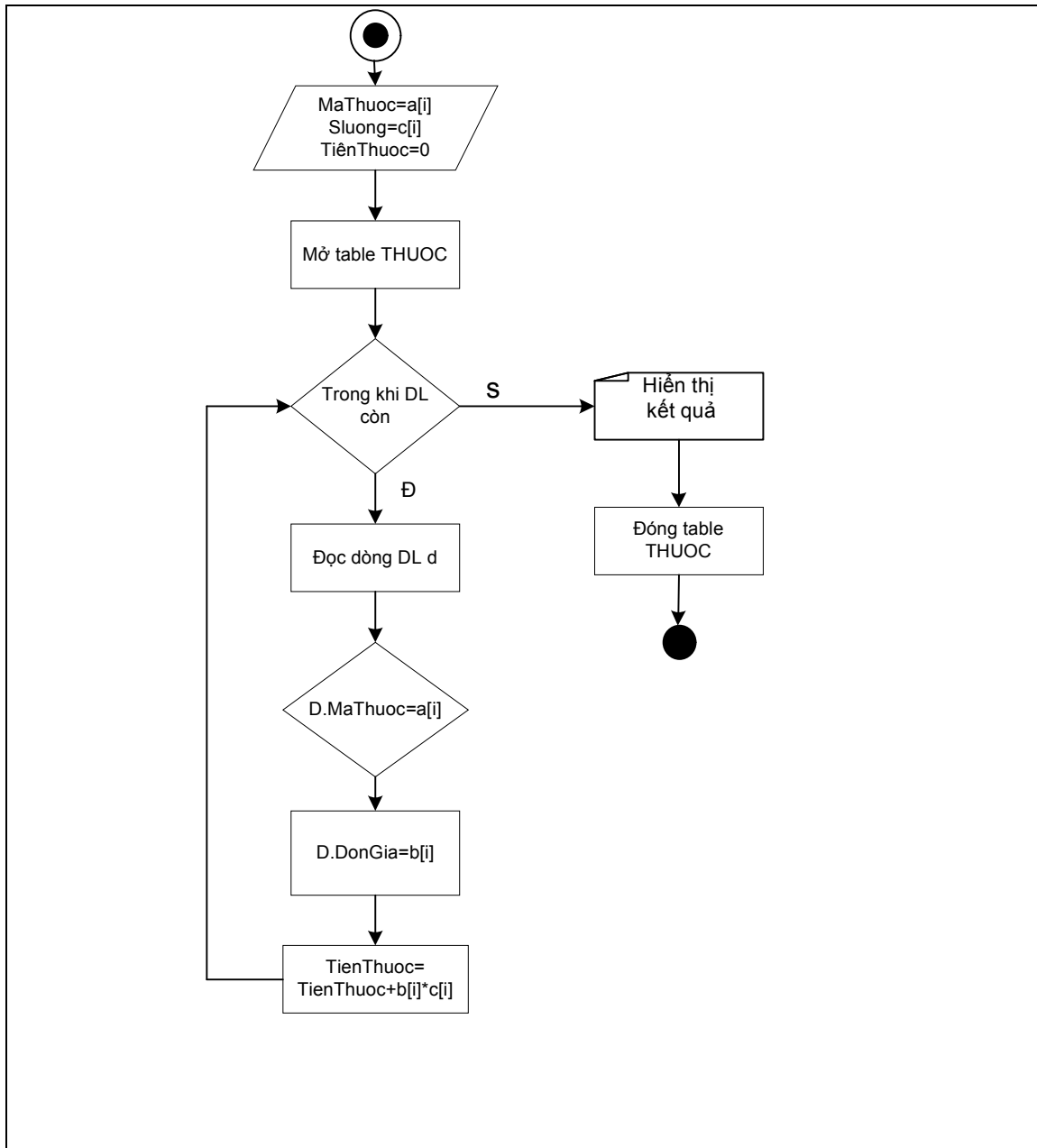
7. Lập toa thuốc:

Ô xử lý: 1.8
<p>From: Lập đơn thuốc</p> <p>DL vào: Matoio, Bskettoa, Ngaykettoa, MaPK, MaBN</p> <p>DL ra: Thông tin toa thuốc</p> <p>Table liên quan: TOATHUOC</p>
Giải thuật cho ô xử lý:



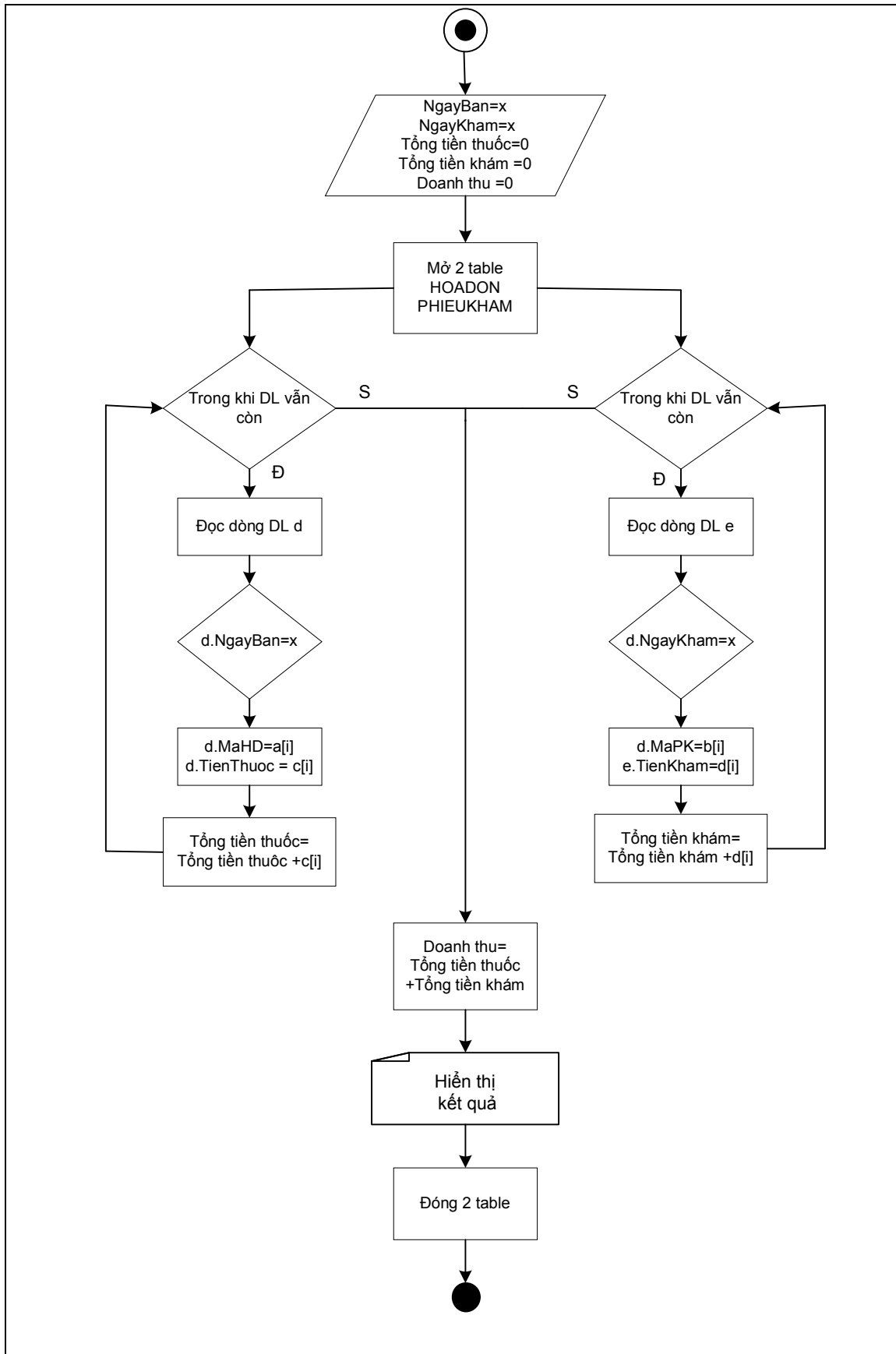
8. Lập hóa đơn thuốc:

Ô xử lý: 1.9
Form: Hóa đơn thuốc DL vào: TT sử dụng thuốc DL ra: Tổng tiền thuốc Table liên quan: HOADON, THUOC
Giải thuật cho ô xử lý:



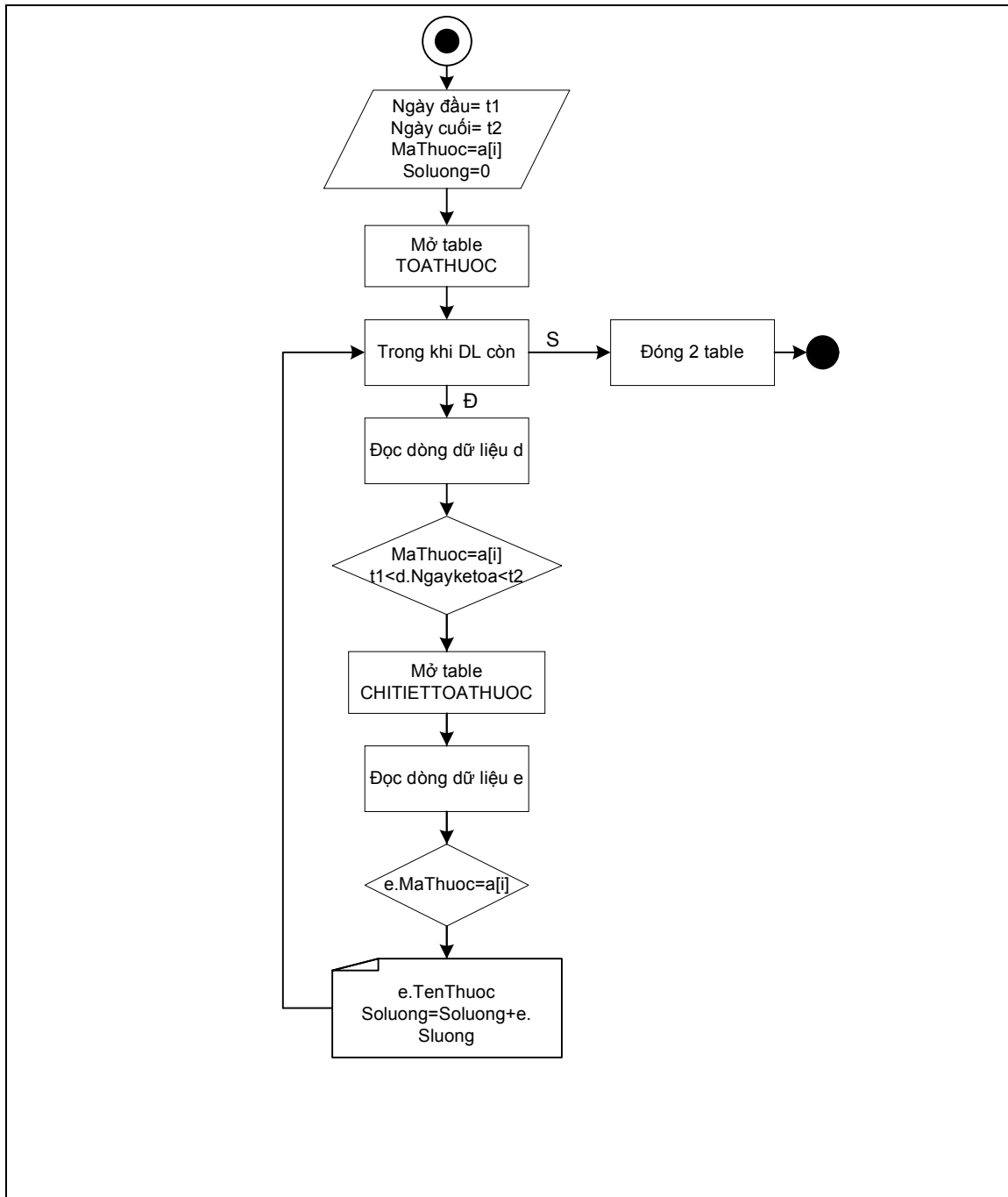
9. Lập báo cáo doanh thu theo ngày:

Ô xử lý: 1.12
<p>Form : Báo cáo doanh thu</p> <p>DL vào: NgayBan, NgayKham</p> <p>DL ra: Tổng doanh thu trong ngày</p> <p>Table liên quan: PHIEUKHAM, HOADON</p>
Giải thuật cho ô xử lý:



10. Lập báo cáo thuốc theo tháng:

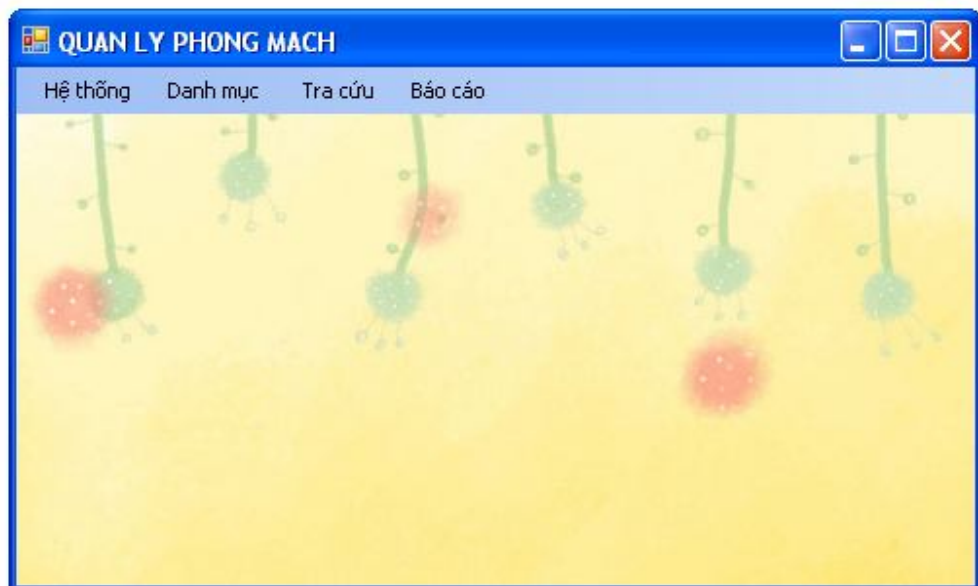
Ô xử lý: 1.17
Form: Báo cáo thuốc DL vào: Ngày t1, ngày t2 DL ra : tổng số thuốc bán ra trong tháng Table liên quan: TOATHUOC, CHITIETTOATHHUOC
Giải thuật cho ô xử lý:

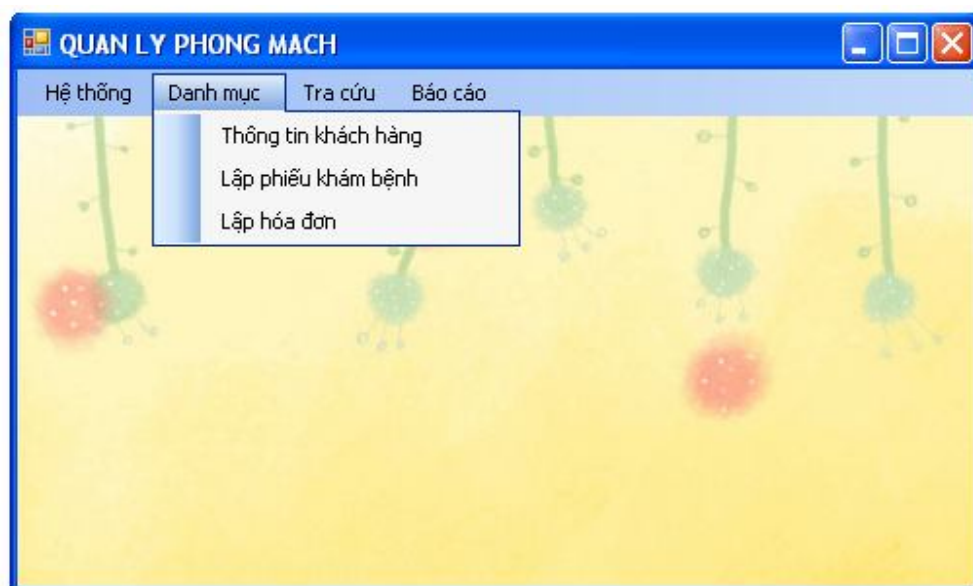


4. Thiết kế giao diện:

4.1 Thiết kế menu:

Các menu chính thể hiện các chức năng chính



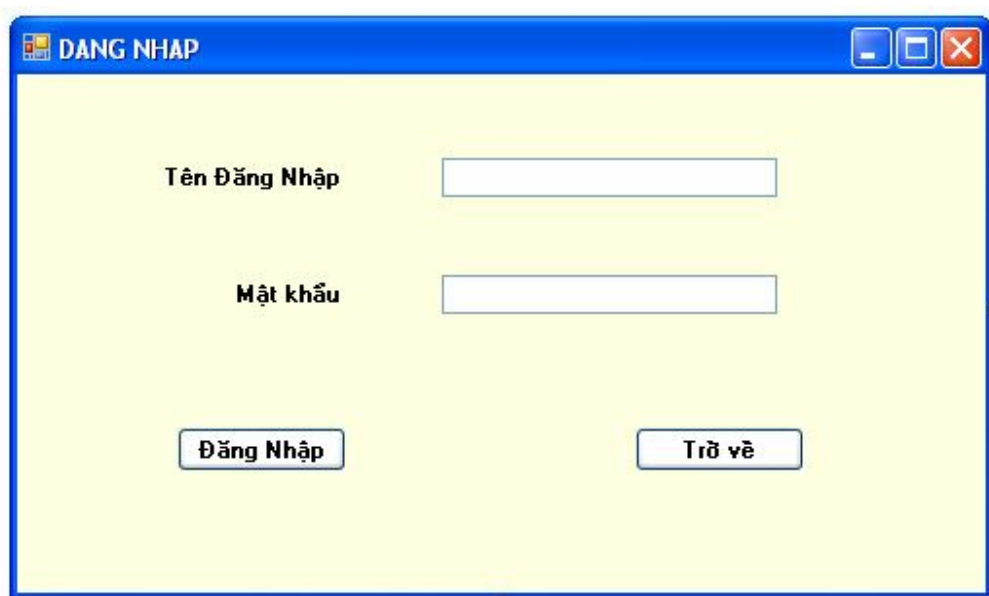






4.2 Thiết kế các form nhập liệu:

1.Màn hình đăng nhập



The image shows a Windows-style login window titled "DANG NHAP". The window has a blue title bar with standard minimize, maximize, and close buttons. The main area has a yellow background. It contains two text input fields: the first is labeled "Tên Đăng Nhập" (Username) and the second is labeled "Mật khẩu" (Password). Below the password field, there are two buttons: "Đăng Nhập" (Login) on the left and "Trở về" (Back) on the right.

2.Thông tin bệnh nhân:

The form is titled "THÔNG TIN BỆNH NHÂN" (Patient Information). It contains the following fields and controls:

- Họ Tên** (Last Name): A text input field.
- Năm sinh** (Year of Birth): A text input field.
- Địa chỉ** (Address): A text input field.
- Giới tính** (Gender): Two radio buttons labeled **Nam** (Male) and **Nữ** (Female).
- SĐT** (Phone Number): A text input field.
- Mã số BN** (Patient ID): A text input field.
- Lưu** (Save): A button at the bottom left.
- Trở về** (Return): A button at the bottom right.

STT	Đối tượng	Xử lý	Ghi chú
1	Họ Tên	Nhập Họ Tên Bệnh Nhân	Kiểu chuỗi
2	Năm sinh	Nhập Năm sinh	Kiểu số
3	Địa chỉ	Nhập Địa chỉ	Kiểu chuỗi
4	SĐT	Nhập số điện thoại	Kiểu chuỗi
5	Giới tính	Chọn Giới tính	
6	Mã số BN	Tự phát sinh	
7	Lưu	Nhấn nút	Dữ liệu được lưu vào máy
8	Trở về	Nhấn nút	Trở về màn hình chính

3. Phiếu khám bệnh:

PHIEU KHAM BENH

Ngày khám

6/10/2008

Bệnh Nhân

Mã số BN

Triệu chứng

Chẩn đoán

Mã Phiếu khám

Lưu


in

Thoát

STT	Đối tượng	Xử lý	Ghi chú
1	Ngày khám	Tự động lấy ngày hiện tại	
2	Bệnh nhân	Nhập tên BN	Kiểu chuỗi

3	Mã số BN	Chọn Mã số trong thanh cuộn, hệ thống tự tìm kiếm Mã BN có tên vừa nhập	Đã phát sinh khi nhập thông tin BN và lưu vào máy
4	Triệu chứng	Nhập triệu chứng	Kiểu chuỗi
5	Chẩn đoán	Nhập Chẩn đoán	Kiểu chuỗi
6	Mã Phiếu khám	Tự phát sinh	
7	Lưu	Nhấn nút	Lưu thông tin đã nhập trong phiếu khám vào máy
8	in	Nhấn nút	In Phiếu khám
9	Thoát	Nhấn nút	Trở về màn hình chính

4. Hóa đơn:

 **HOA DON**

Mã số Hóa đơn

Ngày lập Hóa đơn

6/10/2008

Họ tên BN

Mã số BN

Mã đơn thuốc

Tiền thuốc

Tiền khám

Tổng Tiền

Lưu

in

Thoát

STT	Đối tượng	Xử lý	Ghi chú
1	Ngày lập Hóa đơn	Tự động lấy ngày hiện tại	
2	Mã số Hóa đơn	Tự phát sinh	
3	Họ tên Bệnh nhân	Nhập tên BN	Kiểu chuỗi
4	Mã số BN	Chọn mã số trong thanh cuộn, hệ thống tự tìm	Đã phát sinh khi nhập thông tin BN và lưu

		kiểm Mã BN có tên vừa nhập	vào máy
5	Mã đơn thuốc	Chọn mã số trong thanh cuộn, hệ thống tự tìm kiếm Mã Đơn thuốc của BN có tên vừa nhập	Đã phát sinh khi lập đơn thuốc
6	Tiền thuốc	Tổng tiền trong Đơn thuốc	
7	Lưu	Nhấn nút	Lưu thông tin vào máy
8	in	Nhấn nút	In Hóa Đơn
9	Thoát	Nhấn nút	Trở về màn hình chính

5. Tra cứu bệnh nhân:

TRA CUU BENH NHAN

Họ tên BN

Mã BN

Năm sinh

Tìm

Trở về

Kết quả tra cứu

Mã BN	Họ Tên	Năm sinh	Địa chỉ	SĐT	Ngày khám	Mã PK	Mã Hóa Đơn

STT	Đối tượng	Xử lý	Ghi chú
1	Họ tên BN	Nhập họ tên bệnh nhân	
2	Mã BN	Chọn mã số trong thanh cuộn, hệ thống tự tìm kiếm Mã BN có tên vừa nhập	Đã phát sinh khi nhập thông tin BN và lưu vào máy
3	Năm sinh	Nhập năm	

4	Tìm	Nhấn nút	Hệ thống tìm kiếm và xuất kết quả vào bảng “Kết quả tra cứu”
5	Trở về	Nhấn nút	Trở về màn hình chính

6. Tra cứu theo phiếu khám:

TRA CỨU THEO PHIẾU KHÁM

Mã số phiếu khám

Kết quả tra cứu

Họ Tên BN	Năm sinh	Địa chỉ	SĐT	Ngày Khám	Chẩn đoán
<div><div></div></div>					

STT	Đối tượng	Xử lý	Ghi chú
1	Mã số Phiếu khám	Nhập Mã cần tra cứu	
2	Tra cứu	Nhấn nút	Hệ thống tìm kiếm và xuất kết quả vào bảng “Kết quả tra cứu”
3	Trở về	Nhấn nút	Trở về màn hình chính

7. Báo cáo doanh thu:

BAO CAO DOANH THU

Từ ngày Đến ngày

Kết Quả

STT	Ngày	Số Bệnh Nhân	Số Hóa Đơn Thuốc	Doanh Thu

Tổng Doanh thu

STT	Đối tượng	Xử lý	Ghi chú
1	Từ ngày	Chọn ngày trong thanh cuộn	
2	Đến ngày	Chọn ngày trong thanh cuộn	
3	Xem	Nhấn nút	Xuất Kết quả báo cáo trong bảng “Kết quả”
4	In	Nhấn nút	In Báo cáo

5	Thoát	Nhấn nút	Trở về màn hình chính
---	-------	----------	-----------------------

8. Báo cáo sử dụng thuốc:


BAO CAO SU DUNG THUOC





BAO CAO SU DUNG THUOC

Từ ngày

6/ 9/2008


Đến ngày

6/ 9/2008


Xem

in

Trở về

Kết Quả

STT	Ngày	Mã thuốc	Tên Thuốc	SL Đã dùng	Đơn vị

STT	Đối tượng	Xử lý	Ghi chú
1	Từ ngày	Chọn ngày trong thanh cuộn	
2	Đến ngày	Chọn ngày trong thanh cuộn	
3	Xem	Nhấn nút	Xuất Kết quả báo cáo trong bảng “Kết quả”
4	In	Nhấn nút	In Báo cáo
5	Thoát	Nhấn nút	Trở về màn hình chính

9. Lập đơn thuốc:

LAP ĐƠN THUỐC

Mã số Hóa Đơn

Ngày lập

6/10/2008

Bệnh nhân

MÃ BN

Mã thuốc

Số lượng

Đơn vị

Thêm

in

Thoát

Chi tiết Đơn thuốc

STT	Mã thuốc	Tên Thuốc	Số lượng	Đơn vị	Đơn giá

Tổng tiền

STT	Đối tượng	Xử lý	Ghi chú
1	Mã Số Hóa Đơn	Tự phát sinh	
2	Ngày lập	Tự động lấy ngày hiện tại	
3	Bệnh nhân	Nhập tên BN	Kiểu chuỗi

4	Mã BN	Chọn Mã số trong thanh cuộn, hệ thống tự tìm kiếm Mã BN có tên vừa nhập	Đã phát sinh khi nhập thông tin BN và lưu vào máy
5	Mã thuốc	Chọn mã thuốc	
6	Số lượng	Nhập số lượng	Kiểu số
7	Đơn vị	Chọn đơn vị trong thanh cuộn	
8	Thêm	Nhấn nút	Lưu Mã thuốc, Số lượng, Đơn vị vừa nhập, và đưa vào bảng “Chi tiết đơn thuốc”
9	In	Nhấn nút	In Đơn thuốc
10	Thoát	Nhấn nút	Trở về màn hình chính

4.3 Thiết kế report:

Phòng khám X

..., Trần Hưng Đạo, Quận 5, TP.HCM

Báo cáo doanh thu theo ngày

Tháng: _____

STT	Ngày	Số bệnh nhân	Số hóa đơn thuốc	Doanh thu

Ngày...tháng...năm

Người viết

Phòng khám X

..., Trần Hưng Đạo, Quận 5, TP.HCM

Báo cáo sử dụng thuốc

Tháng: _____

STT	Ngày	Mã thuốc	Tên thuốc	SL đã dùng	Đơn vị

--	--	--	--	--	--

Ngày...tháng ... năm

Người viết